

Số: /QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng 3 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-BVHTTDL ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và được thay thế trong lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cụ thể:

**1. Danh mục TTHC:**

- TTHC cấp tỉnh:

+ TTHC mới ban hành: 01 TTHC.

2. Nội dung cụ thể của từng TTHC;
3. Quy trình nội bộ, liên thông và điện tử đối với TTHC;
4. Danh mục thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa đối với các TTHC.

*(Có phụ lục kèm theo, gồm: Phụ lục 1. Danh mục TTHC; Phụ lục 2. Nội dung; thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa; quy trình nội bộ, liên thông, điện tử đối với từng TTHC).*

## **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Giao Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai TTHC tại nơi tiếp nhận hồ sơ, Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị theo đúng quy định đối với TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan, đơn vị.

2. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan cập nhật nội dung TTHC, quy trình nội bộ, liên thông và điện tử của TTHC lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật tất cả nội dung của TTHC lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KS TTHC);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP: LĐVP, TTPVHCC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Đ).

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Thành Ngại**

**Phụ lục 1**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Phí, lệ phí		TTHC liên thông, không thuộc địa giới hành chính (phi địa giới)			Dịch vụ công trực tuyến			Dịch vụ BCCI	Ghi chú
			Phí	Lệ phí	Cùng cấp	02 cấp	Phi địa giới	Toàn trình	Một phần	Cung cấp thông tin		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
<b>A. LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ</b>												
<b>I. TTHC mới ban hành</b>												
1	1.014861	Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (cấp tỉnh)					x	x			x	

## **Phụ lục 2**

# **NỘI DUNG; THÀNH PHẦN HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC CẦN PHẢI SỐ HÓA; QUY TRÌNH NỘI BỘ, LIÊN THÔNG, ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI TỪNG TTHC CẤP TỈNH**

### **A. PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

#### **1. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (cấp tỉnh) - 1.014861**

##### ***(1) Trình tự thực hiện:***

- Trường hợp thay đổi các nội dung (ngoại trừ thay đổi tôn chỉ, mục đích của kênh chương trình chuyên quảng cáo) ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo, Cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ về cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của cơ quan chủ quản.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo cho cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản (bản giấy hoặc điện tử) có văn bản (bản giấy hoặc điện tử) thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ.

##### ***(2) Địa điểm thực hiện:***

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 10 - 0273.3993850 tại địa chỉ: số 377, đường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quầy số 13 - 02773.898962, tại địa chỉ: Chi nhánh Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp - Số 10, đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dichvucong.gov.vn).

##### ***(3) Cách thức thực hiện:***

- a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

**(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP.

+ Bản thuyết minh nội dung thay đổi (nêu rõ nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung và lý do).

**- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**(5) Thời hạn giải quyết:**

10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**(6) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**(7) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**(8) Kết quả thực hiện:** Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (Mẫu số 02 - Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP).

**(9) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**(10) Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu số 01 -Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo tại Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP.

**(11) Yêu cầu, điều kiện:** Khi thay đổi các nội dung (ngoại trừ thay đổi tôn chỉ, mục đích của kênh chương trình chuyên quảng cáo) ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.

**(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 75/2025/QH15.

- Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ (quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo).

- Quyết định số 304/QĐ-BVHTTDL ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và được thay thế trong lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**(13) Thành phần hồ sơ phải số hóa:**

- Bản thuyết minh nội dung thay đổi (nêu rõ nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung và lý do).

**(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:**

Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.

**(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC:**

a) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc.

b) Quy trình nội bộ, liên thông và điện tử: 80 giờ.

**- Trường hợp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (TPVHCC) (nơi có thẩm quyền giải quyết (trực tuyến, trực tiếp, BCCI)**

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua Bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến và qua fax, email); scan hồ sơ; vào sổ nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	06 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn Sở VHTTDL	03 giờ
		Chuyên viên	57 giờ
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn Sở VHTTDL	04 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở VHTTDL	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Văn phòng Sở VHTTDL	06 giờ
5	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Giờ hành chính

**- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính**

+ **Bước 1:** chia thành 2 bước như sau:

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1.1	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến Công chức Trung tâm Phục vụ Hành chính công (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	Công chức Trung tâm Phục vụ Hành chính công (nơi nhận hồ sơ)	03 giờ
1.2	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng chuyên môn	Công chức Trung tâm Phục vụ Hành chính công (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	03 giờ

+ **Bước 5:** chia thành 2 bước như sau:

<b>Bước</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Thời gian giải quyết</b>
5.1	Trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ Hành chính công (nơi nhận hồ sơ)	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	Giờ hành chính
5.2	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (nơi nhận hồ sơ)	Giờ hành chính

+ **Các bước còn lại giống như các bước tiếp nhận hồ sơ tại TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết (trực tuyến, trực tiếp, BCCI)**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIẤY PHÉP  
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN QUẢNG CÁO**

Kính gửi: .....

**1. Tên cơ quan báo chí (viết chữ in hoa):** .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại: ..... - Fax: .....

- Email (nếu có): .....

- Website (nếu có): .....

- Giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình số...do...cấp ngày..... tháng  
.....năm.*

- *Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (phát thanh/  
truyền hình) trong nước số .....do.....cấp lần.....ngày.....tháng.....năm....(áp dụng  
trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).*

**2. Đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo  
trong nước (ghi rõ phát thanh hoặc truyền hình):** .....

2.1. Tên kênh chương trình: .....

2.2. Biểu tượng kênh chương trình: .....

2.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình: .....

2.4. Ngôn ngữ thể hiện: .....

2.5. Đối tượng phục vụ: .....

2.6. Thời gian phát sóng (từ ..... giờ đến ..... giờ):.....

2.7. Thời lượng phát sóng (Số giờ/ ngày): .....

2.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới): .....

- Phát lại: .....

2.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày: .....

2.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						

2.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu  vào ô phù hợp)

SDTV

HDTV

Khác

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác") .....

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu  vào ô phù hợp)

Mono

Stereo

Khác

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác").....

2.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

(Tên cơ quan báo chí) bảo đảm nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình theo các định dạng đề xuất tại điểm 2.11 là hoàn toàn giống nhau.

**3. Thông tin về đối tác liên kết sản xuất kênh chương trình (áp dụng đối với trường hợp kênh chương trình có hoạt động liên kết):**

3.1. Tên đối tác liên kết: .....

3.2. Địa chỉ đối tác liên kết:.....

- Điện thoại: ..... - Fax: .....

3.3. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư của đối tác liên kết: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

3.4. Người đại diện theo pháp luật của đối tác liên kết:

Họ và tên:..... Sinh ngày:..... Quốc tịch:.....

Số căn cước công dân (hoặc hộ chiếu) số:.....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Chức danh: .....

Địa chỉ liên lạc: ..... Số điện thoại: .....

Mã số định danh:.....

3.5. Năng lực của đối tác liên kết để thực hiện hoạt động liên kết:

a) Nguồn lực tài chính:

b) Nhân sự (Nêu cụ thể số lượng người tham gia trực tiếp sản xuất kênh chương trình liên kết gồm quay phim, biên tập, đạo diễn, kỹ thuật):

Đối tác liên kết	Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn		Trình độ chính trị			Ngoại ngữ	
				Trên Đại học	Đại học	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Đại học	Chứng chỉ

3.6. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (Trường quay: Diện tích; số lượng máy quay; số lượng phòng dựng, bàn dựng, bàn trộn tiếng...): .....

3.7. Hình thức liên kết:.....

3.8. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết: .....

4. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:.....

5. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình: .....

6. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:.....

7. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình: (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)

Quảng bá

Trả tiền

8. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

Dịch vụ truyền hình di động

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet

Khác

.....(Ghi rõ trong trường hợp thuộc điền "khác").....

9. Kinh phí hoạt động:

- Kinh phí ban đầu: .....
- Kinh phí hoạt động thường xuyên: .....
- + Năm 1: .....
- + Năm 2: .....

**10. Các nội dung khác (nếu có)**

**11. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:**

11.1. Họ và tên: .....

11.2. Chức danh (*Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Giám đốc*):.....

11.3. Mã số định danh:.....

**12. Tài liệu kèm theo:**

(1).....

(2).....

**13. Cam kết**

*(Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình)* xin cam kết:

13.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/tranh chấp (*tên cơ quan báo chí*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

13.2. Nếu được cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước, (*tên cơ quan báo chí*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp.

**Xác nhận của cơ quan chủ quản**  
*(Đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc các bộ, ngành)*  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Người đứng đầu cơ quan báo chí**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:

**Ghi chú:** Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

UBND TỈNH.....  
SỞ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-SVHTTDL

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP**  
**SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN QUẢNG CÁO**

Cấp..... ngày..... tháng..... năm...

**GIÁM ĐỐC SỞ.....**

*Căn cứ Luật Báo chí; số ..... và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí...*

*Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;*

*Căn cứ Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (phát thanh/ truyền hình) trong nước số... do.... cấp ngày... tháng....năm.... (áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung);*

*Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước số....do....cấp ngày....tháng.... năm..... và hồ sơ bổ sung số ...ngày... tháng....năm.... của (tên cơ quan báo chí);*

*Theo đề nghị của .....*

**CẤP PHÉP CHO:**

**Tên cơ quan báo chí** (viết bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại:..... - Fax: .....

- Email (nếu có): .....

- Website (nếu có): .....

- Giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình số.... do .....cấp.... ngày.... tháng.... năm .....

Được sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước theo các nội dung sau:

**1. Quy định về kênh chương trình:** (Phát thanh hoặc Truyền hình)

1.1. Tên kênh chương trình: .....

- 1.2. Biểu tượng kênh chương trình:.....
- 1.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình: .....
- 1.4. Ngôn ngữ thể hiện: .....
- 1.5. Đối tượng phục vụ: .....
- 1.6. Thời gian phát sóng (từ.....giờ đến.... giờ): .....
- 1.7. Thời lượng phát sóng (...giờ/ngày): .....
- 1.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:
  - Phát lần 1 (phát mới): .....
  - Phát lại: .....
- 1.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:
 

.....
- 1.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						
6.						

- 1.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:
  - Đối với kênh chương trình truyền hình
 

Độ phân giải hình ảnh: .....
  - Đối với kênh chương trình phát thanh
 

Âm thanh: .....

1.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình (tên kênh chương trình) hoàn toàn giống nhau khi phát sóng theo quy định tại điểm 1.11.

**2. Địa điểm sản xuất kênh chương trình: .....**

**3. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:**

.....

**4. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình:**

Phương thức dịch vụ quảng bá/Phương thức dịch vụ trả tiền.

**5. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:**

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số/Dịch vụ truyền hình cáp tương tự/Dịch vụ truyền hình cáp kỹ thuật số/Dịch vụ truyền hình cáp IPTV/Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh/Dịch vụ truyền hình di động/Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.

Khác: .....

**6. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:**

6.1. Họ và tên: .....

6.2. Chức danh (Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Giám đốc): .....

**7. Các quy định khác:**

Cơ quan báo chí .....

**8. Hiệu lực của Giấy phép:**

- Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày cấp.
- Giấy phép này thay thế cho Giấy phép số.... ngày.... năm... do Bộ ..... cấp (áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).
- Cơ quan chủ quản/cơ quan báo chí được cấp phép có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất các hoạt động liên kết sản xuất chương trình trên kênh (nếu có); thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, truyền dẫn, phát sóng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy định ghi trong Giấy phép.

**Nơi nhận:**

- Cơ quan báo chí được cấp phép;
- Cơ quan chủ quản;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ VH-TT-DL;
- UBND, Sở VH-TT-DL;
- .....
- Lưu: VT, ...

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên và đóng dấu)